

Bản án số 83/2024/DS-ST

Ngày 27.8.2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1); Trụ sở: 266 - B N, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hứa Bách T - Chức vụ: Chuyên viên Khách hàng cá nhân Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh S2, Phòng G; địa chỉ: D L, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng (Theo Quyết định số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc ký hợp đồng/choả thuận, văn bản và tham gia tố tụng; Giấy ủy quyền số 04/2024/GUQ-NHS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc ký hợp đồng/văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng), (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1 - Sinh năm 1982 và ông Nguyễn Trần V - Sinh năm 1965; cùng nơi cư trú: K884/09/39 N, tổ E (41 cũ), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; (*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 25 tháng 01 năm 2024 và tại Bản tự khai ngày 25 tháng 4 năm 2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (- *Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng S)*) trình bày:

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2017, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Trần V ký Giấy đề nghị vay vốn tại Ngân hàng S - Chi nhánh S2, Phòng G1, nay là Phòng G với mục đích vay: Sửa chữa nhà và được Ngân hàng đồng ý cho vay theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1707900320 ngày 20 tháng 3 năm 2017 và Thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD 1707900320-01 ngày 22 tháng 4 năm 2021 với số tiền vay là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), thời hạn vay: 120 tháng; lãi suất vay: Lãi suất 02 năm đầu tiên là 9,5%/năm. Lãi suất chỉ được áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau (*Nếu có*), lãi suất do S1 xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ. Từ năm thứ 3 trở đi, lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng từng kỳ hạn vay được S1 niêm yết + biên độ 3,05%/năm và được S1 quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay. Ngày 22 tháng 3 năm 2017, bà T1 và ông V đã ký Giấy nhận nợ số LD 1708100143 với Ngân hàng.

Để đảm bảo khoản vay, bà T1 và ông V đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 157, địa chỉ: Tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 756875 do Ủy ban nhân dân quận L cấp ngày 22 tháng 11 năm 2021 đứng tên ông V và bà T1, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 2364 ngày 21 tháng 3 năm 2017 và Thoả thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 006904 ngày 31 tháng 5 năm 2018. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đ tại quận L.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 và ông V đã trả cho Ngân hàng được số tiền 199.626.842 đồng, bao gồm: Nợ gốc 123.358.000 đồng và nợ lãi 76.268.842 đồng. Từ ngày 20 tháng 12 năm 2022 đến nay, bà T1 và ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 20 tháng 01 năm 2023. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 và ông V trả số tiền nợ 86.749.917 đồng (*T2 mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm mười chín đồng*), trong đó nợ gốc 76.642.000 đồng, lãi phải thu trong kỳ 603.715, lãi chuyển quá hạn 8.176.016 đồng, lãi quá hạn phát sinh 898.293 đồng và lãi phạt chậm trả lãi 429.893 đồng tính đến ngày 16 tháng 01 năm 2024;

buộc bà T1 và ông V tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp, bà T1 và ông V không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà T1 và ông V trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 76.642.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử (- Ngày 27 tháng 8 năm 2024) gồm: Lãi quá hạn 12.902.257 đồng và lãi phạt quá hạn 4.137.876 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 93.682.133 đồng (Chín mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn một trăm ba mươi ba đồng). Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo đơn khởi kiện.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Trần V không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa, ông V vắng mặt lần hai, không có lý do.

Tại Bản tự khai ngày 22 tháng 4 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà và chồng là ông Nguyễn Trần V có vay của Ngân hàng S số tiền 200.000.000 đồng và có thế chấp nhà, đất tại tổ E (41 cũ), phường H. Bà xác nhận số tiền vợ chồng bà nợ đúng như đại diện Ngân hàng trình bày. Do kinh tế gặp khó khăn nên vợ chồng bà có trả nợ bị gián đoạn. Bà đề nghị Ngân hàng cho thời gian để trả nợ.

* Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 157, địa chỉ: Tổ D cũ, nay là tổ E, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, xác định: Trên diện tích đất đã thế chấp, có ngôi nhà 02 tầng, cấu trúc móng, trụ, dầm, sàn tầng 2 bằng bê tông, cốt thép, nền lát gạch men, tường xây, mái tôn có diện tích xây dựng 63,4 m²/ 01 tầng, theo Giấy phép xây dựng nhà ở số 956/GPXD-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận L.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự theo quy định tại Mục 3 Chương XIV Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc

và lãi tính đến ngày xét xử. Bị đơn tiếp tục trả lãi theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng từ ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì xử lý tài sản đã thế chấp theo quy định tại các điều 317, 318 và 323 Bộ luật Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn - bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Trần V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Nguyễn Thị T1 xác nhận số tiền bà và ông V nợ Ngân hàng, ông Nguyễn Trần V không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Trần V có vay của Ngân hàng S - Chi nhánh S2, Phòng G1, nay là Phòng G số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1707900320 ngày 20 tháng 3 năm 2017; Thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD 1707900320-01 ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Giấy nhận nợ số LD 1708100143 ngày 22 tháng 3 năm 2017 với mục đích vay: Sửa chữa nhà, thời hạn vay: 120 tháng; lãi suất vay: Lãi suất 02 năm đầu tiên là 9,5%/năm. Từ năm thứ 3 trở đi, lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng từng kỳ hạn vay được S1 niêm yết + biên độ 3,05%/năm và được S1 quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay. Phương thức trả lãi: Số tiền trả lãi vay mỗi kỳ được tính theo số dư nợ thực tế mỗi ngày, số ngày thực tế mỗi kỳ nhân với lãi suất cho vay, trả lãi vào ngày 20 hàng tháng. Tiền gốc được chia thành 120 kỳ trả, trả nợ 01 tháng/kỳ, kỳ trả đầu tiên vào ngày 20 tháng 4 năm 2017, kỳ trả tiếp theo vào ngày 20 hàng tháng, số tiền trả mỗi kỳ: 1.667.000 đồng (*Một triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*), số tiền trả cuối kỳ: 1.627.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn đồng*).

Hợp đồng tín dụng được kí kết theo sự tự nguyện của các bên và tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng. Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng S - Chi nhánh S2, Phòng G1, nay là Phòng G và bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Trần V là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch, xác định bà T1 và ông V còn nợ của Ngân hàng số tiền 93.682.133 đồng, trong đó: Nợ gốc 76.642.000 đồng, lãi quá hạn 12.902.257 đồng và lãi phạt quá hạn 4.137.876 đồng.

Đến nay, mặc dù chưa hết thời hạn thanh toán, nhưng bà T1 và ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng được quy định tại Mục 6 của Hợp đồng tín dụng và Mục 6 của Giấy nhận nợ. Do bà T1 và ông V đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc bà T1 và ông V phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử (- Ngày 27 tháng 8 năm 2024) là 93.682.133 đồng, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Lãi được tiếp tục tính từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 theo mức lãi suất do Ngân hàng S và bà T1, ông V đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1707900320 ngày 20 tháng 3 năm 2017; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD 1707900320-01 ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Giấy nhận nợ số LD 1708100143 ngày 22 tháng 3 năm 2017 trên số tiền nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 2364 ngày 21 tháng 3 năm 2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 006904 ngày 31 tháng 5 năm 2018 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Thị T3 và được đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật đất đai nên có giá trị pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với tài sản thế chấp. Phần tài sản là nhà ở 02 tầng, cấu trúc móng, trụ, dầm, sàn tầng 2 bằng bê tông, cốt thép, nền lát gạch men, tường xây, mái tôn có diện tích xây dựng 63,4 m²/ 01 tầng, cũng thuộc tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp.

Do vậy, trường hợp ông bà T1 và ông V không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 157, địa chỉ: Tổ E (41 cũ), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 756875 do Ủy ban nhân dân quận L cấp ngày 22 tháng 11 năm 2021 đứng tên ông V và bà T1 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 02 tầng, cấu trúc móng, trụ, dầm, sàn tầng 2 bằng bê tông, cốt thép, nền lát gạch men, tường xây, mái tôn có diện tích xây dựng 63,4 m²/ 01 tầng, sẽ bđ ph, t m·i ③Ó thu hải nê tr¶ cho Ng©n hụng.

[3] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Trần V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 93.682.133 đồng x 5% = 4.684.107 đồng (*Bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn một trăm lẻ bảy đồng*) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Trần V phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 299, 323, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 95 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Trần V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Trần V phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử (- Ngày 27 tháng 8 năm 2024) là 93.682.133 đồng (*Chín mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn một trăm ba mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc 76.642.000 đồng, lãi quá hạn 12.902.257 đồng và lãi phạt quá hạn 4.137.876 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Trần V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì xử lý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 157, địa chỉ: Tổ E (41 cũ), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 756875 do Ủy ban nhân dân quận L cấp ngày 22 tháng 11 năm 2021 đứng tên ông V và bà T1 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 02 tầng, cấu trúc móng, trụ, dầm, sàn tầng 2 bằng bê tông, cốt thép, nền lát gạch men, tường xây, mái tôn có diện tích xây dựng 63,4 m²/ 01 tầng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 2364 ngày 21 tháng 3 năm 2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 006904 ngày 31 tháng 5 năm 2018 để thu hồi trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà T1, ông V thanh toán xong nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 756875 cho bà T1, ông V.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 4.684.107 đồng (*Bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn một trăm lẻ bảy đồng*) bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Trần V phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 2.168.748 đồng (*Hai triệu một trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0000547 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Trần V phải chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (*Đã chi xong*). Bà T1 và ông V hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 3.000.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

